

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 8 năm 2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Sơn

Ông Nguyễn Văn Kịch

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc-Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc “Ly hôn” thụ lý số 107/2024/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 341/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/7/2024, và Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 08/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Ngọc G**; địa chỉ: **Ấp F, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Sơn C**; địa chỉ: **Ấp F, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Bùi Thị Ngọc G** trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là anh **Nguyễn Sơn C** kết hôn từ năm 2021, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 31/5/2021. Vợ chồng không có con chung. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên cãi nhau, không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay chị **G** yêu cầu ly hôn anh **C**; về con chung không có; về tài sản chung và nợ chị **G** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh **Nguyễn Sơn C**, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh **C**, nhưng anh không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp khi được triệu tập.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, chị **G** là nguyên đơn và anh **C** là bị đơn đều vắng mặt, nhưng chị **G** đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh **C** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **G** và anh **C** xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong thời gian chung sống gần đây, chị **G** nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên chị **G** yêu cầu ly hôn anh **C**. Riêng về phía anh **C**, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên họp, hòa giải anh đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng anh **C** tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng địa phương không nắm được.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay chị **G** kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tiếng nói chung; chính từ đó đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **G**.

[4] Về con chung: Chị **G** cho biết giữa chị và anh **C** không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị **G** không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh **C** không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị Ngọc G** được ly hôn anh **Nguyễn Sơn C**.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị **Bùi Thị Ngọc G** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí chị **G** đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003751, ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách-ST;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách-ST;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã Ba Trinh, huyện Kế Sách-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Diệu